第十八课 我想做演员

Kosakata Baru

1. 您 (nín) anda
2. 演员 (yǎnyuán) aktor/aktris
3. 想 (xiǎng) ingin
4. 做 (zuò) menjadi; membuat
5. 作家 (zuòjiā) pengarang; penulis
6. 科学家 (kēxuéjiā) ilmuwan
7. 吧 (ba) (partikel modal)

LIVEWORKSHEETS

Pola Kalimat

Wǒ xiǎng zuò yǎnyuán.
1.我想做演员。

Gēge bù xiǎng zuò yǎnyuán.
2.哥哥不想做演员。

Nín shì kēxuéjiā ba?
3.您是科学家吧?

Nǐ xiǎng zuò huàjiā ma?
4.你想做画家吗?

1. Dengarkan dan berilah nomor pada kata.

	xiǎng 想
	zuòjiā 作家
①	kēxuéjiā 科学家
	nín 您
	yǎnyuán 演员
	zuò 做

2. Cocokkanlah.

1)

2)

3)

a) yǎnyuán 演员

b) kēxuéjiā 科学家

c) zuòjiā 作家

3. Bacalah dengan lantang.

yǎnyuán 演员	kēxuéjiā 科学家	zuòjiā 作家
zuò yǎnyuán 做演员	zuò kēxuéjiā 做科学家	zuò zuòjiā 做作家
xiǎng zuò yǎnyuán 想做演员	xiǎng zuò kēxuéjiā 想做科学家	xiǎng zuò zuòjiā 想做作家
wǒ xiǎng zuò yǎnyuán 我想做演员	wǒ xiǎng zuò kēxuéjiā 我想做科学家	wǒ xiǎng zuò zuòjiā 我想做作家

LIVEWORKSHEETS

4. Isilah.

zuòjiā ① 作家　　yǎnyuán ② 演员　　kēxuéjiā ③ 科学家

Wǒ xiǎng zuò
1) 我想做_____。

Tā xiǎng zuò ma?
2) 他想做_____吗?

Xiǎohǎi bù xiǎng zuò
3) 小海不想做_____。

5. Lengkapi dialog berdasarkan gambar.

Nín shì yīshēng ba?
1) A: 您是医生吧?

Wǒ shì yīshēng.
B: 我是医生。

Nǐ shì Zhōngguórén ba?
2) A: 你是中国人吧?

B: _____。

3) A: _____?

B: _____。

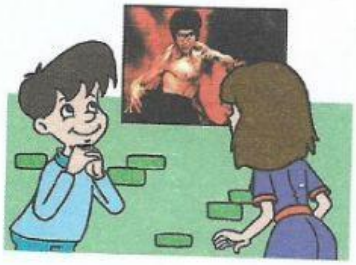

Nǐ xiǎng zuò yǎnyuán ma?
4) A: 你想做演员吗?

Wǒ xiǎng zuò yǎnyuán.
B: 我想做演员。

Nǐ xiǎng zuò huàjiā ma?
5) A: 你想做画家吗?

B: _____。

6) A: _____?

B: _____。

LIVEWORKSHEETS

6. Terjemahkanlah.

xiǎng zuò yīshēng
1) 想做医生 _____

xiǎng zuò gōngchéngshī
2) 想做工程师 _____

xiǎng zuò sījī
3) 想做司机 _____

xiǎng zuò shāngrén
4) 想做商人 _____

xiǎng zuò yǎnyuán
5) 想做演员 _____

xiǎng zuò huàjiā
6) 想做画家 _____

7. Buatlah dialog.

… shì … ba?
……是……吧?

… xiǎng zuò … ba?
……想做……吧?

… xiǎng zuò …
……想做……

LIVEWORKSHEETS

8. Tulislah karakter Han.

您

想

吧

做

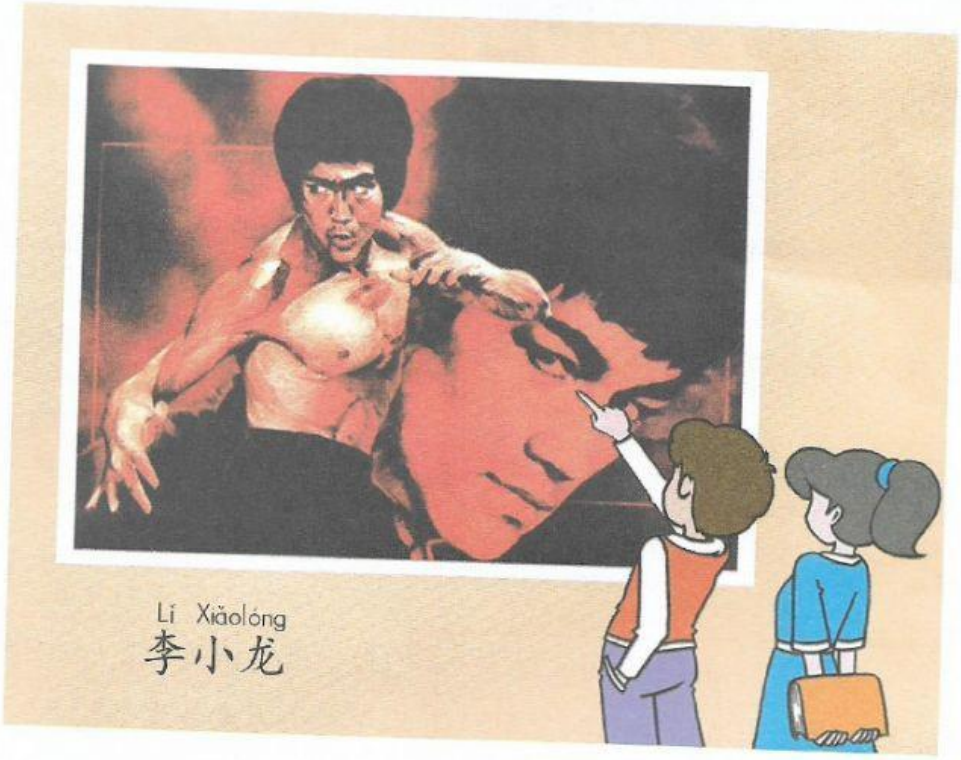

LIVEWORKSHEETS